

Số: 503/2020/QĐST-HNGĐ

C, ngày 29 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 283/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Vương T, sinh năm 1990; đăng ký thường trú: Khu phố H, phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Đ, sinh năm 1984; đăng ký thường trú: Khu phố H, phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Bà Vương T và ông Huỳnh Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Giao 01 con chung tên Huỳnh D, sinh ngày 10/12/2013 cho ông Huỳnh Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận ông Huỳnh Đ không yêu cầu bà Vương T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Vương T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2 Về tài sản chung:

- Giao cho bà Vương T được quyền sở hữu tài sản chung gồm: 04 kệ đựng thuốc tây bằng kính, khung nhôm, trong tủ có các loại thuốc tây, trong đó:

- + Tủ thứ nhất (ký hiệu A1), có kích thước: 1,1 m x 1,2 m.
- + Tủ thứ hai (ký hiệu A2), có kích thước: 1,6 m x 1,2 m.
- + Tủ thứ ba (ký hiệu A3), có kích thước: 1,5 m x 2 m.
- + Tủ thứ tư (ký hiệu A4), có kích thước: 1,5 m x 1,5 m.

Trị giá: 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

- Giao cho ông Huỳnh Đ được quyền sở hữu tài sản chung là 01 xe ô tô con hiệu Hyundai, màu bạc, số khung 51GAAU933150, số máy G4HG9618736, biển số 61A-109.69, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 110713 do Công an tỉnh Bình Dương cấp cho ông Huỳnh Đ ngày 06/11/2019.

Trị giá 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

- Ông Huỳnh Đ có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Vương T trị giá chênh lệch về tài sản với số tiền là 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Vương T cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Huỳnh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3 Về nợ chung: Bà Vương T, ông Huỳnh Đ tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí:

- Bà Vương T đồng ý chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình và tự nguyện nộp thay cho ông Huỳnh Đ 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình; chịu 2.125.000 đồng án phí chia tài sản chung, tổng cộng số tiền bà Vương T phải nộp là 2.275.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Vương T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0042886, ngày 05/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến CátC, tỉnh Bình Dương, bà Vương T phải nộp tiếp số tiền là 1.975.000 (một triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

- Ông Huỳnh Đ phải chịu 2.125.000 đồng án phí chia tài sản chung. Khấu trừ vào số tiền 3.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Huỳnh Tấn Đạt đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0048082, ngày 13/8/2020. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương hoàn trả lại cho ông Huỳnh Đ số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.

2.5 Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản: Ông Huỳnh Đ tự nguyện chịu 1.200.000 (một triệu, hai trăm nghìn) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản. Ông Huỳnh Đ đã nộp xong được thể hiện tại Biên bản ngày 21/10/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND phường L, thị xã C, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Lê Cẩm Hằng